TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LÀO CAI** **TỈNH LÀO CAI** _____	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tư do – Hạnh phúc** _____

Bản án số: 09/2023/HNGĐ–ST.
Ngày 28/02/2023.
V/v "*Hủy hôn nhân trái pháp luật, tranh chấp về nuôi con".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Ngọc Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Văn Ngân;
2. Bà Vũ Thị Hòa.
Thư ký phiên toà: Ông Vũ Anh Tùng – Thư ký, Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiệp – Kiểm sát viên.
Ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2022/TLST–HNGĐ, ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc "*Hủy kết hôn trái pháp luật, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST–HNGĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:
1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T - Sinh ngày 25/9/1983.
Địa chỉ: Tổ 22, phường K, thành phố L, tỉnh L.
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Nh - Sinh ngày 07/12/1977.
Địa chỉ: Tổ 22, phường K, thành phố L, tỉnh L.
3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ủy ban nhân dân phường K, thành phố L, tỉnh L. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh C – Chức vụ: Chủ tịch. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lưu Thị Hương G – Chức vụ: Phó Chủ tịch.
Địa chỉ: Số 046, đường Q, phường K, thành phố L, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:
Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 11 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bầy: Năm 1999 chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Nh có quan hệ tình cảm, được hai bên gia đình thống nhất tự lập hồ sơ đăng ký kết hôn khai tên đệm và ngày tháng năm sinh của chị Phạm Thị T – sinh ngày 25/9/1983, thành Phạm Phương T – sinh ngày 25/9/1980 cho đủ 18 tuổi để được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân phường K, thành phố L, tỉnh L, vào ngày 03/12/1999. Chữ ký trong hồ sơ đăng ký kết hôn không phải do chị Phạm Thị T ký. Khi đăng ký kết hôn chị Phạm Thị T chưa đủ 18 tuổi để làm giấy chứng minh nhân dân. Do khi kết hôn còn trẻ, nhận thức pháp luật còn hạn chế, ý thức về cuộc sống hôn nhân chưa đầy đủ, nên sau khi kết hôn trong quá trình chung sống chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Nh thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Nh luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Nh đã được hai bên gia đình tham gia ý kiến nhưng không khắc phục được mà ngày càng trầm trọng hơn. Từ năm 2019 đến nay chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Nh đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được. Do khi kết hôn có vi phạm về độ tuổi, sai các thông tin cá nhân nên chị Phạm Thị T đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giải quyết hủy việc kết hôn nhân trái pháp luật giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Nh, chấm dứt dứt quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Nh.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Nh có hai con chung là cháu Nguyễn Văn M – sinh ngày 05/5/2002 và cháu Nguyễn Thị N – sinh ngày 04/3/2011. Khi chấm dứt quan hệ hôn nhân, đối với cháu Nguyễn Văn M đã đủ 18 tuổi chị Phạm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Thị N, chị Phạm Thị T đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Nguyễn Thị N cho anh Nguyễn Văn Nh trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Thị N đủ 18 tuổi, theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị N. Chị Phạm Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và quyền, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Phạm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong các bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Văn Nh trình bày: Anh Nguyễn Văn Nh thừa nhận việc có đăng ký kết hôn với chị Phạm Thị T trên cơ sở tự nguyện vào ngày 03/12/1999 tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố L, tỉnh L. Hồ sơ đăng ký kết hôn do hai bên gia đình lập, anh Nguyễn Văn Nh không biết chị Phạm Thị T khi kết hôn chưa đủ độ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn Nh cũng xác định trong quá trình chung sống anh Nguyễn Văn Nh và chị Phạm Thị T có cuộc sống chung đến năm 2019 thì phát sinh xảy ra mẫu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do tính cách của hai vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra việc cãi nhau. Từ tháng 10/2019 đến nay anh Nguyễn Văn Nh và chị Phạm Thị T đã sống ly thân mỗi người sống một nơi, không thể quay về chung sống với nhau được nữa. Nay chị Phạm Thị T đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giải quyết hủy việc kết hôn nhân trái pháp luật giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Nh, chấm dứt dứt quan hệ hôn nhân, anh Nguyễn Văn Nh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn Nh thừa nhận, anh Nguyễn Văn Nh và chị Phạm Thị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn M – sinh ngày 05/5/2002

và cháu Nguyễn Thị N – sinh ngày 04/3/2011. Đối với cháu Nguyễn Văn M đã đủ 18 tuổi anh Nguyễn Văn Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn Nh đề nghị Tòa án giải quyết, giao cháu Nguyễn Thị N cho anh Nguyễn Văn Nh trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Thị N đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn Nh không yêu cầu chị Phạm Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và quyền, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Nguyễn Văn Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong văn bản trình bầy ý kiến cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Ủy ban nhân dân phường K, thành phố L, tỉnh L. Người đại diện hợp pháp là bà Lưu Thị Hương G trình bầy: Nội dung khởi kiện của chị Phạm Thị T yêu cầu hủy việc kết hôn nhân trái pháp luật giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Nh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 03/12/1999 của Ủy ban nhân dân phường K, thành phố L, tỉnh L và tranh chấp nuôi con chung. Ngày 03/12/1999 công dân Nguyễn Văn Nh và Phạm Phương T có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố L, tỉnh L theo số vào sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 57, trang 15, quyển số 01/1999, cán bộ hộ tịch thực hiện là ông Doãn Anh T, người ký giấy chứng nhận kết hôn là bà Nguyễn Thúy H – Chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường K, thành phố L, tỉnh L. Hồ sơ đăng ký kết hôn gồm có: 02 tờ khai đăng ký kết hôn; 01 giấy giới thiệu của Ủy ban nhân dân phường Duyên Hải; 01 đơn xin đăng ký kết hôn của chị Phạm Phương T và anh Nguyễn Văn Nh có xác nhận của nơi cư trú. Đối chiếu với các quy định của pháp luật về việc đăng ký kết hôn tại thời điểm ngày 03/12/1999 và các tài liệu chứng cứ đã được công bố tại phiên tòa, thì việc Ủy ban nhân dân phường K, thành phố L, tỉnh L, thực hiện thủ tục kết hôn và cấp giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 03/12/1999 đối với chị Phạm Phương T và anh Nguyễn Văn Nh là trái quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Phạm Thị T và bị đơn anh Nguyễn Văn Nh yêu cầu hủy việc kết hôn nhân trái pháp luật, Ủy ban nhân dân phường K, thành phố L, tỉnh L hoàn toàn nhất trí với yêu cầu của các đương sự.

Tại phiên toà, nguyên đơn chị Phạm Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng tại phiên toà là đúng theo các quy định của pháp luật, đảm bảo đúng trình tự luật định, không vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, Viện kiểm sát nghiên cứu hồ sơ đảm bảo đúng pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2014. Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 1, Điều 11; Điều 12; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị T. Hủy việc kết hôn nhân trái pháp luật giữa chị Phạm Thị T (Phạm Phương T) và anh Nguyễn Văn Nh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 57, ngày 03/12/1999 của Ủy ban nhân dân phường K, thành phố L, tỉnh L. Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Nh phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

Về nuôi con: Giao con chung, cháu Nguyễn Thị N – sinh ngày 04/3/2011 cho anh Nguyễn Văn Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến đủ 18 tuổi. Chị Phạm Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ngoài ra còn đề nghị tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn Nh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] *Về áp dụng pháp luật*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị T (Phạm Phương T) và anh Nguyễn Văn Nh được Ủy ban nhân dân phường K, thành phố L, tỉnh L thực hiện đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 57 vào ngày 03/12/1999. Tại thời điểm này Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 đang có hiệu lực pháp luật, nên khi giải quyết tranh chấp về hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Nh, phải áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết (*Điều 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014*). Trong vụ án này, khi giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của các đương sự, về trình tự thủ tục giải quyết phải căn cứ vào Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án (*Khoản 4, Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016*).

[3] *Về điều kiện kết hôn:* Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định được: Ngày 28/11/1999 anh Nguyễn Văn Nh – sinh năm 1977, con ông Nguyễn Văn Trừ và bà Trần Thị Thành, cư trú tại tổ 15, phường K, thành phố L, tỉnh L và chị Phạm Phương T – sinh năm 1980, con ông Phạm Văn Thế và bà Trần Thị The, cư trú tại tổ 25, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai có đơn gửi Ủy ban nhân dân phường K, thành phố L, tỉnh L xin đăng ký kết hôn. Ngày 01/12/1999 Ủy ban nhân dân phường K, thành phố L, tỉnh L căn cứ vào giấy giới thiệu số 62/GT ngày 30/11/1999 của Ủy ban nhân dân phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giới thiệu bà Phạm Phương T (*Không xác định ngày tháng năm sinh*) đến đăng ký kết hôn. Ủy ban nhân dân phường K, thành phố L, tỉnh L đã tiếp nhận hồ sơ và lập tờ khai đăng ký kết hôn với các thông tin kết hôn giữa công dân anh Nguyễn Văn Nh – sinh ngày 21/12/1977 và chị Phạm Phương T – sinh ngày 25/9/1980 để thực hiện cấp giấy chứng nhận kết hôn số 57 vào ngày 03/12/1999.

Tài liệu xác nhận nhân khẩu của Công an phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai xác định: Công dân Phạm Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 16, phường Duyên Hải (Nay là tổ 04, phường Cốc Lếu), thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai từ năm 1997 đến ngày 14/9/2001, sau đó chuyển hộ khẩu về Tổ 22, phường K, thành phố L, tỉnh L. Thông tin trong sổ hộ khẩu gia đình cấp ngày 14/9/2001 xác định: Thông tin chủ hộ vợ là Phạm Thị T – Sinh ngày 25/9/1983; chồng là Nguyễn Văn Nh – Sinh ngày 07/12/1977.

Tại Công văn số 445/PC06-Đ6 ngày 20/12/2022 của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Công an tỉnh Lào Cai đã xác định: Dữ liệu công dân chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Nh như sau:

1. Chị Phạm Thị T – Sinh ngày 25/9/1983; đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Phường K, thành phố L, tỉnh L; họ tên bố Phạm Văn Thế; họ tên mẹ: Trần Thị The; công dân Phạm Thị T cấp chứng minh nhân dân lần 1 ngày 24/11/2003, số chứng minh nhân dân 063170015. Từ khi cấp giấy chứng minh nhân dân không có các cải chính về thông tin cá nhân tên đệm cũng như ngày tháng năm sinh.

2. Anh Nguyễn Văn Nh – Sinh ngày 07/12/1977; đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Phường K, thành phố L, tỉnh L; họ tên bố Nguyễn Văn Trữ; họ tên mẹ: Trần Thị Thành; công dân Nguyễn Văn Nh cấp chứng minh nhân dân lần 1 ngày 28/12/2016, số chứng minh nhân dân 063009337. Từ khi cấp giấy chứng minh nhân dân không có các cải chính về các thông tin cá nhân.

Căn cứ vào các tài liệu thông tin cá nhân trong dữ liệu công dân, giấy khai sinh và hộ khẩu gia đình của công dân Phạm Thị T và Nguyễn Văn Nh xác định: Chị Phạm Phương T kết hôn với anh Nguyễn Văn Nh có tên chính xác là Phạm Thị T - sinh ngày 25/9/1983. Tính đến ngày 03/12/1999 là ngày Ủy ban nhân dân phường K, thành phố L, tỉnh L thực hiện việc đăng ký kết hôn, chị Phạm Thị T mới 16 tuổi, 02 tháng, 8 ngày, không đủ điều kiện để được đăng ký kết hôn. Như vậy, việc thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân phường K, thành phố L, tỉnh L đối với chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Nh là trái pháp luật, vi phạm Điều 5, Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 (*Khi kết hôn nam từ 20 tuổi trở lên, nữ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn*).

[4] *Về trình tự và thủ tục kết hôn:* Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Nghị định số 83/1998/NĐ-CP ngày 10/10/1998 của Chính phủ và Thông tư 12/1999/TT-BTP ngày 25/6/1999 của Bộ tư pháp, đây là các văn bản pháp luật hướng dẫn về trình tự thủ tục đăng ký kết hôn có quy định: Khi đăng ký kết hôn ngoài việc nộp tờ khai, hai bên nam nữ phải xuất trình giấy khai sinh của mỗi bên; sổ hộ khẩu gia đình của bên nam hoặc bên nữ nơi đăng ký kết hôn. Trong trường hợp không có đủ các giấy tờ trên thì phải có giấy tờ hợp lệ thay thế. Khi nhận đủ hồ sơ Ủy ban nhân dân có thẩm quyền đăng ký phải tiến hành xác minh đủ điều kiện kết hôn và phải niêm yết công khai hồ sơ đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy ban nhân dân trong thời hạn 7 ngày. Kết thúc thời gian này mới được thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn.

Tài liệu trong hồ sơ đăng ký kết hôn của chị Phạm Phương T anh Nguyễn Văn Nh xác định: Ngày 01/12/1999 Ủy ban nhân dân phường K, thành phố L,

tỉnh L căn cứ vào giấy giới thiệu số 62/GT ngày 30/11/1999 của Ủy ban nhân dân phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giới thiệu bà Phạm Phương T (*Không xác định ngày tháng năm sinh*) đến đăng ký kết hôn. Ủy ban nhân dân phường K, thành phố L, tỉnh L đã tiếp nhận hồ sơ và lập tờ khai đăng ký kết hôn, đến ngày 03/12/1999 Ủy ban nhân dân phường K, thành phố L, tỉnh L thực hiện thủ tục kết hôn và cấp giấy chứng nhận kết hôn số 57 giữa công dân giữa anh Nguyễn Văn Nh – sinh ngày 21/12/1977 và chị Phạm Phương T – sinh ngày 25/9/1980. Như vậy, khi thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn đối với chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Nh Ủy ban nhân dân phường K, thành phố L, tỉnh L đã sử dụng các thông tin cá nhân về chủ thể đăng ký kết hôn không chính xác, không tiến hành xác minh điều kiện kết hôn, không thực hiện việc niêm yết công khai hồ sơ đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy ban nhân dân trong thời hạn 7 ngày (*Tiếp nhận hồ sơ ngày 30/11/1999 đến ngày 03/12/1999 đã thực hiện việc đăng ký kết hôn*). Như vậy, về trình tự thủ tục khi thực hiện đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân phường K, thành phố L, tỉnh L vi phạm các quy định của pháp luật.

[5] *Về hôn nhân*: Sau khi được Ủy ban nhân dân phường K, thành phố L, tỉnh L đăng ký kết hôn vào ngày 03/12/1999, chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Nh chung sống như vợ chồng. Khi kết hôn do vi phạm về độ tuổi, nhận thức về cuộc sống hôn nhân chưa đầy đủ, nên sau khi kết hôn cuộc sống chung của chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Nh thường xuyên phát sinh mâu thuẫn trong, hôn nhân không có hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Nh đã được hai bên gia đình tham gia hòa giải nhưng không khắc phục được mà ngày càng trầm trọng là đúng sự thật. Từ năm 2019 đến nay chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Nh đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Điều này, chứng minh hôn nhân của chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Nh lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn chung sống cùng nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc đăng ký kết hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Nh do Ủy ban nhân dân phường K, thành phố L, tỉnh L đã vi phạm các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Nh. Anh Nguyễn Văn Nh cũng nhất trí chấm dứt quan hệ vợ chồng với chị Phạm Thị T và đề nghị hủy việc kết hôn trái pháp luật. Căn cứ vào Điều 11, 12 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và điểm b, khoản 2, Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị T là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[6] *Về con chung:* Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Nh có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn M – sinh ngày 05/5/2002 và cháu Nguyễn Thị N – sinh ngày 04/3/2011. Đối với cháu Nguyễn Văn M đã đủ 18 tuổi chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn Nh đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Nguyễn Thị N cho anh Nguyễn Văn Nh trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Thị N

đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn Nh không yêu cầu chị Phạm Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Yêu cầu giao nuôi con của đương sự phải phù hợp với ý kiến của con chưa thành niên. Trong vụ án này cháu Nguyễn Thị N có nguyện vọng được ở cùng anh Nguyễn Văn Nh. Tại biên bản hòa giải về phần nuôi con, chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Nh đã thống nhất thỏa thuận giao cháu Nguyễn Thị N cho anh Nguyễn Văn Nh trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Thị N đủ 18 tuổi. Do đó, cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Nguyễn Thị N cho anh Nguyễn Văn Nh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[7] *Về cấp dưỡng:* Anh Nguyễn Văn Nh không yêu cầu chị Phạm Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] *Về tài sản chung và quyền, nghĩa vụ chung về tài sản:* Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] *Về án phí:* Chị Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2014. Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 1, Điều 11; Điều 12; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị T. Hủy việc kết hôn nhân trái pháp luật giữa chị Phạm Thị T (Phạm Phương T) và anh Nguyễn Văn Nh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 03/12/1999 của Ủy ban nhân dân phường K, thành phố L, tỉnh L. Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Nh phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung*: Giao con chung, cháu Nguyễn Thị N – sinh ngày 04/3/2011 cho anh Nguyễn Văn Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến đủ 18 tuổi. Chị Phạm Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phạm Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0001900 ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn chị Phạm Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường K, thành phố L, tỉnh L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Văn Nh có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND thành phố Lào Cai (02);
- Chi cục THADS thành phố Lào Cai;
- UBND phường Kim Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Ngọc Thanh